

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2025/DS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2025
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 641/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1034/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1957 (vắng mặt);

1.2. Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Mỹ L: Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1957 (theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2019) (xin xét xử vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Số B, đường T, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Ngọc Quỳnh D, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số D, đường T, khóm C, phường C B, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang) (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Ngọc Quỳnh D: Ông Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1956; nơi cư trú: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (phường C, tỉnh An Giang) (theo văn bản ủy quyền ngày 18/02/2020) (vắng mặt).

2.2. Ông Phạm Công T, sinh năm 1955 (vắng mặt);

2.3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã L, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Công T, bà Lê Thị T1: Ông Lê Trần Huy P, sinh năm 1975; nơi cư trú: khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang) (theo văn bản ủy quyền ngày 18/02/2020) (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A;

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh C.

Trụ sở: Số H, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3; trụ sở: Số I, tổ C, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Xuân Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Xuân Đ và bà Huỳnh Thị Mỹ L (do ông Lê Xuân Đ đại diện) trình bày:

Năm 2004, vợ chồng ông Lê Xuân Đ và bà Huỳnh Thị Mỹ L có nhận chuyển nhượng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 (viết tắt là Công ty T3) một nền nhà với diện tích 120m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSDĐ). Quá trình sử dụng đất thì phát hiện các hộ giáp ranh cấp GCN QSDĐ chồng lấn đất của ông Đ, bà L. Nay ông Đ, bà L khởi kiện yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Phạm Ngọc Quỳnh D phải trả lại diện tích đất 6,5m²; yêu cầu ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 phải trả lại diện tích đất 0,5m².

- Yêu cầu hủy GCN QSDĐ số vào sổ CT11609 ngày 16/9/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp. Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý, chuyển nhượng cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D, theo hồ sơ số 000048.CN.1617, xác nhận tại

trang 3 của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh C1 ngày 11/7/2017; yêu cầu hủy GCN QSDĐ số vào sổ CS06328 ngày 08/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho ông Phạm Công T, bà Lê Thị Tuyết .

Ông Đ thống nhất theo kết quả định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Bị đơn là ông Phạm Công T, bà Lê Thị T1 do ông Lê Trần Huy P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông T và bà T1 không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Đ. Ông P cho rằng đất của ông Lê Xuân Đ đã xây dựng nhà ở kiên cố trước, còn đất của ông Phạm Công T hiện đang là đất trống, chưa xây dựng công trình hay vật kiến trúc trên đất nên không có việc lấn ranh đất của ông Đ. Do đó, ông Đ trình bày ông T lấn ranh đất của ông Đ là không có cơ sở.

Ông P thống nhất theo kết quả định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, không có ý kiến khác.

Bị đơn là bà Phạm Ngọc Quỳnh D và người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Ngọc Quỳnh D là ông Nguyễn Thành Đ1: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà D, ông Đ1 hợp lệ nhưng bà D, ông Đ1 vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A có văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 428/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 25/02/2020 với nội dung:

- Việc cấp GCN QSDĐ cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D:

Khu đất có diện tích 56m² đất ở tại đô thị thuộc phường V, thành phố C, tỉnh An Giang do Công ty T3 quản lý, sử dụng theo GCN QSDĐ số BR 508960 (số vào sổ CT11609) được Sở T cấp ngày 16/9/2015.

Ngày 22/9/2016, Công ty T3 chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C2 chứng nhận cùng ngày và bên nhận chuyển nhượng nộp hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Ngày 11/7/2017, Văn phòng Đ2 - Chi nhánh C1 chỉnh lý biên động trên trang 3 GCN QSDĐ số BR 508960 (số vào sổ CT11609) cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D.

Căn cứ Điều 19 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T4 quy định trường hợp nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất do Văn phòng Đ2, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận thay đổi vào giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Do đó, việc Văn phòng Đ2 - Chi nhánh C1 thực hiện chỉnh lý trang 3 trên GCN QSDĐ đã cấp cho

bà Phạm Ngọc Quỳnh D là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Việc cấp GCN QSDĐ cho ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1:

Khu đất có diện tích 64m² đất ở tại đô thị thuộc phường V, thành phố C, tỉnh An Giang do ông Trần Triệu T2 và bà Lê Thị H quản lý, sử dụng theo GCN QSDĐ số BR 508974 (số vào sổ CT11623) được Sở T cấp ngày 16/9/2015 và được Văn phòng Đ2 chi nhánh C3 trang 3 ngày 03/10/2017.

Ngày 06/10/2017, ông Trần Triệu T2 và bà Lê Thị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng C4 chứng nhận cùng ngày và bên nhận chuyển nhượng nộp hồ sơ đăng ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Ngày 26/10/2017, Văn phòng Đ2 - Chi nhánh C1 chỉnh lý biến động GCN QSDĐ cho ông Phạm Công T và bà Lê Thị Tuyết. Do chủ sử dụng có nhu cầu cấp mới GCN QSDĐ nên Sở T đã cấp đổi GCN QSDĐ cho ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 đối với diện tích 64m² đất ở tại đô thị, GCN QSDĐ số BR 508974 (số vào sổ CT11623) ngày 08/11/2017.

Căn cứ Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định khi người sử dụng đất thực hiện các quyền của người sử dụng đất mà phải cấp mới GCN QSDĐ thì cơ quan có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ là Sở T. Do đó, việc Sở T thực hiện cấp GCN QSDĐ theo yêu cầu của ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A có gửi văn bản đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Công ty T3: Không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Tại Bản án số 10/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Đ, bà Huỳnh Thị Mỹ L về yêu cầu bà Phạm Ngọc Q Dao trả lại diện tích đất 6,5m²; về yêu cầu ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 trả lại diện tích đất 0,5m²; về yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D, ông Phạm Công T, bà Lê Thị Tuyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 2 năm 2025, nguyên đơn là ông Lê Xuân Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại đơn kháng cáo ông Đ cho rằng bản trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 20/6/2023 là giả dối vì không đo 4 thửa như hợp đồng ký kết; bản trích đo này đến ngày 13/11/2024 phó giám đốc mới ký xác nhận, bản trích đo này chưa thanh lý hợp đồng đo vẽ. Thửa 239, 270, 271 lần lượt có diện tích chồng

ranh là 6,5m², 4,5m² và 0,5m² so với nhà tôi; theo bảng trích đo ngày 13/11/2024 có các điểm thuộc nhà, đất của tôi; hiện nay đất này không còn vì bị Công ty T3 lấy phân cho các thửa 239, 270, 271; để né tránh việc chồng sâu và nhà tôi, bản trích đo đã di dời mốc trước của 3 thửa đất nói trên lên vỉa hè; làm cho cột mốc trước của 3 thửa này cao hơn so với sơ đồ khu dân cư C. Ông Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2; xét thấy Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Lê Xuân Đ được nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng thuộc trường hợp đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Xuân Đ và bà Huỳnh Thị Mỹ L, về nguồn gốc đất tranh chấp theo ông Đ trình bày vào năm 2004, ông nhận chuyển nhượng của Công ty T3, đã được cấp GCN QSDĐ vào năm 2008 và ông cũng đã xây dựng nhà ở kiên cố. Sau đó, ông tiếp tục nhận chuyển nhượng của Công ty T3 thêm một nền nhà diện tích 67,8m², thửa đất số 270, tờ bản đồ số 13 liền phía sau nhà ông, chưa làm thủ tục sang tên GCN QSDĐ. Trong quá trình sử dụng đất, ông cho rằng hộ của ông T thửa đất số 271, hộ bà D thửa đất số 239 đều đã được cấp GCN QSDĐ đã chồng lấn lên thửa đất số 214, tờ bản đồ số 13, diện tích đất ông đã được cấp GCN QSDĐ vào năm 2008, nên phát sinh tranh chấp. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả lại diện tích đất chồng lấn 6,5m², yêu cầu ông T, bà T1 trả diện tích đất chồng lấn 0,5m² và yêu cầu hủy các

GCN QSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D, ông Phạm Công T và bà Lê Thị Tuyết .

[4] Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thực địa để xác định vị trí đất tranh chấp giữa các bên. Qua xem xét hiện trạng sử dụng đất của các bên thì thể hiện phần đất của ông Đ đã xây dựng nhà ở bê tông cốt thép kiên cố, xây hết diện tích đất. Theo đó, kết quả đo đạc được thể hiện tại các điểm 30, 33, 34, 31 diện tích 3,1m² là phần đất nằm trong GCN QSDĐ số CT11609 cấp cho bà D. Tại các điểm 20, 21, 22, 23 diện tích 0,4m² là phần đất nằm trong GCN QSDĐ số CS06328 cấp cho ông T, bà T1, theo Bản trích đo hiện trạng do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh C1 lập ngày 27/9/2022. Như vậy theo kết quả đo đạc, thì bà D, ông T, bà T1 đang sử dụng diện tích đất đúng hiện trạng đã được cấp GCN QSDĐ.

[5] Không đồng ý với kết quả của Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất tranh chấp của Văn phòng Đ2 - Chi nhánh C1 ngày 27/9/2022 nêu trên; ông Đ yêu cầu giới thiệu cho ông được đến Công ty TNHH Đ3 ký hợp đồng đo đạc lại diện tích đất tranh chấp. Ngày 20/6/2023, Công ty TNHH Đ3 đã đến thực địa đo đạc diện tích đất tranh chấp theo hợp đồng. Sau khi đo đạc, Công ty TNHH Đ3 đã xác định được các vị trí cấp GCN QSDĐ thửa 239, 270, 271; riêng thửa 214 cấp GCN QSDĐ năm 2008 chưa chỉnh lý trên bản đồ địa chính, hiện trạng do ông Đ chỉ dẫn đo đạc đã thay đổi, không đủ cơ sở để gắn ghép xác định vị trí nên cần phục hồi mốc ranh cấp GCN QSDĐ thửa 214.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm và Công ty TNHH Đ3 yêu cầu ông Đ liên hệ Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C1 để phục hồi mốc ranh đất của ông Đ; nhưng ông Đ không đồng ý, không thực hiện. Vì vậy, Công ty TNHH Đ3 không thể cập nhật được ranh đất cấp GCN QSDĐ tại thửa đất số 214, tờ bản đồ số 13 có bị chồng lấn bởi các thửa đất số 239, 270, 271 hay là không. Do người khởi kiện không cộng tác trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ của vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án dựa trên các tài liệu, chứng cứ hiện có, là phù hợp.

[7] Mặt khác, đối với thửa đất số 270, diện tích 67,8m² ông Đ, bà L đã nhận chuyển nhượng của Công ty T3. Trong quá trình sử dụng đất, ông Đ cho rằng thửa đất số 270 cấp chồng lấn qua thửa đất số 214, nên Công ty T3 giao đất không đủ diện tích 67,8m² đất mà ông Đ nhận chuyển nhượng nên đã khởi kiện Công ty T3. Quá trình giải quyết vụ án, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ2 đo đạc và phục hồi mốc ranh thửa đất số 270 và thửa đất số 214 đã có kết quả. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2022/DS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc và Bản án dân sự phúc thẩm số 129/2023/DS-PT ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đang có hiệu lực pháp luật. Do vậy, việc vợ chồng ông Đ, bà L khởi kiện yêu cầu buộc bà D trả lại diện tích đất chồng lấn 6,5m², yêu cầu ông T, bà T1 trả diện tích đất chồng lấn 0,5m² là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu của ông Đ yêu cầu hủy các GCN QSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D, ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1:

- Ngày 22/9/2016, Công ty T3 chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng chứng nhận. Ngày 11/7/2017, Văn phòng Đ2 - Chi nhánh C1 chỉnh lý biên động trang 3 trên GCN QSDĐ số BR 508960 (số vào sổ CT11609) đã cấp cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Ngày 06/10/2017, ông Trần Triệu T2 và bà Lê Thị H chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng số 02 chứng nhận và được Sở T đã cấp đổi GCN QSDĐ cho ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 đối với diện tích 64m² đất ở tại đô thị, GCN QSDĐ số BR 508974 (số vào sổ CT11623) ngày 08/11/2017 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[9] Từ các chứng cứ trên, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc các bị đơn trả lại diện tích đất chồng lấn là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà L, là có cơ sở. Quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Lê Xuân Đ là người cao tuổi nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 238, Khoản 2 Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo ông Lê Xuân Đ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ các Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân Đ, bà Huỳnh Thị Mỹ L về việc yêu cầu bà Phạm Ngọc Q Dao trả lại diện tích đất 6,5m²; yêu cầu ông Phạm Công T và bà Lê Thị T1 trả lại diện tích đất 0,5m²; yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Phạm Ngọc Quỳnh D, ông Phạm Công T, bà Lê Thị Tuyết .

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Xuân Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- VCTVKSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang ;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu